

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 495 /2022/HNGĐ - ST.

Ngày: 25-4-2022.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán*** - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Thu.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Bà Võ Thị Mai.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Gia Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Cơ H, sinh năm: 1989; địa chỉ: Đường N, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn B, sinh năm: 1994 ; địa chỉ đường N, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

Nguyên đơn bà Trần Cơ H trình bày: Bà và ông B tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh T. Quá trình sống chung giữa bà và ông B đến tháng 10 năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông B không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Tình cảm vợ chồng không còn nữa nên

bà xin được ly hôn để ổn định cuộc sống. Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 24/5/2019. Hiện tại bà đang nuôi con, nếu ông B có yêu cầu thì bà nhường quyền nuôi con vì không đủ khả năng nuôi dưỡng. Về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật triệu tập ông B đến Tòa để làm việc, dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B vẫn vắng mặt nên không ghi được ý kiến của ông.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà H xin vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông B và nuôi dưỡng con chung, hiện tại không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Ông B được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 và quy định về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Cơ H tự nguyện kết hôn với ông Nguyễn Tấn B năm 2019 theo giấy chứng nhận kết hôn số 60 của Ủy ban nhân dân xã Hậu Thành, huyện C tỉnh T cấp ngày 29/6/2019. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh. Nay, bà H có yêu cầu ly hôn với ông B, xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà H cho thấy trong quá trình sống chung giữa bà và ông B không hòa hợp, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Ông B cũng bỏ mặc không đến tòa để hòa giải, hàn gắn, níu kéo hạnh phúc gia đình. Từ đó cho thấy cuộc hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Bà H xin được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 24/5/2019. Ông B không đến Tòa cũng không có ý kiến gì về con chung nên Hội đồng xét thấy việc để con chung cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn, bà H chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Cơ H.

Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần Cơ H được ly hôn với ông Nguyễn Tấn B. Giấy chứng nhận kết hôn số 60 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh T cấp ngày 29/6/2019 cấp cho bà Trần Cơ H và ông Nguyễn Tấn B không còn hiệu lực).

Về con chung: Bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 24/5/2019 cho đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông B do bà H không có yêu cầu. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông B có quyền thăm nom con, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con; Yêu cầu hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/0028111 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- Viện kiểm sát Q. Gò Vấp;
- Chi cục thi hành án dân sự Q. Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân xã H
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*( đã ký và đóng dấu )*

**Nguyễn Thị Bảo Thu**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**











